

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **169/2026/HNGĐ-ST.**

Ngày 23/3/2026

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lộc Thị Kim Thơm và anh Trần Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Kim Dung - Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự ly hôn thụ lý số: 392/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2025, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh ngày 17/7/1989

Địa chỉ: **Tổ dân phố V, phường S, tỉnh Thanh Hóa**

- Bị đơn: Chị **Hà Thị L**, sinh ngày 24/8/1996

Địa chỉ: **Thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.**

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Anh và chị **Hà Thị L** kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (Nay là xã Y, tỉnh Tuyên Quang)** vào ngày 12/9/2013. Sau khi kết hôn hai bên chung sống cùng nhau tại **xã Y** một thời gian rồi sau đó đều đi làm ăn xa. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho

đến nay, hiện không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Trong suốt thời gian sống ly thân cả hai không liên lạc gì với nhau, chị **L** hiện nay đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở **xã Y, tỉnh Tuyên Quang** sinh sống, còn anh đã chuyển và sinh sống tại **thành phố S, tỉnh Thanh Hóa**.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh **Nguyễn Hữu T** vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị **L** đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **L** theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Tuấn xác định, anh và chị **Hà Thị L** có 01 con chung là cháu: **Nguyễn Hà Bảo A**, sinh ngày 10/10/2013, hiện nay cháu đang ở cùng chị **L**. Anh đề nghị giao con chung cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị **Hà Thị L** không có tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn chị Hà Thị L trình bày:

Chị và anh **Nguyễn Hữu T** kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Y, tỉnh Tuyên Quang)** vào ngày 12/9/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng nhau tại **xã Y** một thời gian rồi sau đó đều đi làm ăn xa. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, hiện không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Trong suốt thời gian sống ly thân chị và anh **T** không liên lạc gì với nhau, anh **T** hiện nay đã chuyển về tỉnh Thanh Hoá sinh sống, còn tôi vẫn cư trú sinh sống tại **xã Y, tỉnh Tuyên Quang**.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị **Hà Thị L** vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh **T** đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh **T** có đơn đề nghị xin ly hôn chị cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh **Nguyễn Hữu T** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Hà Bảo A**, sinh ngày 10/10/2013, hiện nay cháu đang ở cùng chị. Chị đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **L** xác định chị và anh **Nguyễn Hữu T** không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng,

tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Hữu T**, xử cho anh **Nguyễn Hữu T** được ly hôn với chị **Hà Thị L**.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu **Nguyễn Hà Bảo A**, sinh ngày 10/10/2013 cho chị **Hà Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, anh **Nguyễn Hữu T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh **Nguyễn Hữu T** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; lấy lời khai đương sự; tiến hành xác minh tại **thôn Đ, xã Y, tỉnh Tuyên Quang**; lấy ý kiến của con chưa thành niên trên 07 tuổi theo quy định của pháp luật.

Anh T1 và chị **L** đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh **Nguyễn Hữu T** và chị **Hà Thị L** có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp; anh **T** khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị **L** và giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn chị **Hà Thị L** có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại **xã Y, tỉnh Tuyên Quang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp

luật; anh **T** và chị **L** đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Anh **T1** và chị **L** có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2024 cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt cả anh **T1** và chị **L** đều xác định, giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện nay mâu thuẫn đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **T1** và chị **L** là đúng thực tế, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, trong suốt thời gian sống ly thân hai vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc với nhau, cả hai cùng xác định đã không còn tình nghĩa vợ chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt mà người nào chỉ biết bổn phận của người đó, cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả anh **T1** và chị **L** đều nhất trí ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh **Nguyễn Hữu T**, căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh **Nguyễn Hữu T** được ly hôn với chị **Hà Thị L**.

[2.2] Về con chung:

Quá trình chung sống, giữa anh **Nguyễn Hữu T** và chị **Hà Thị L** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Hà Bảo A**, sinh ngày 10/10/2013, quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự đều thống nhất đề nghị giao cháu **Nguyễn Hà Bảo A** cho chị **Hà Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, anh **Nguyễn Hữu T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ kết quả xác minh tại thôn Đ, xã Y, tỉnh Tuyên Quang và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện: Cháu **Nguyễn Hà Bảo A** hiện nay đang ở cùng chị **L**, chị **L** hiện nay có chỗ ở, có công việc và thu nhập ổn định (mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng), chị **L** đảm bảo các điều kiện để nuôi con; đối với anh **Nguyễn Hữu T** hiện nay không trực tiếp ở cùng cháu **Nguyễn Hà Bảo A**, anh **T** cũng không có chỗ ở và thu nhập ổn định; mặt khác quá trình lấy ý kiến con chung chưa thành niên trên 07 tuổi cháu **Nguyễn Hà Bảo A** có nguyện vọng được ở cùng chị **L**; cháu **Nguyễn Hà Bảo A** ở cùng chị **L** từ nhỏ đã quen với môi trường sống, sinh hoạt và học tập. HĐXX xét thấy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của con và ưu tiên bảo đảm lợi ích của con, cần giao cháu **Nguyễn Hà Bảo A** cho chị **Hà Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế, ý kiến của các đương sự cũng như nguyện vọng của con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Hữu T không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, quá trình giải quyết vụ án chị L không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L, trường hợp có sự thay đổi về điều kiện sống, sinh hoạt và điều kiện về kinh tế, thu nhập thì các bên có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

Các đương sự có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, chị Hà Thị L không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của anh Nguyễn Hữu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn với chị Hà Thị L (*Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 05/3/2013 của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang* - Nay là *Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Tuyên Quang*). Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hà Bảo A, sinh ngày 10/10/2013 cho chị Hà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Anh **Nguyễn Hữu T** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000899 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị **Hà Thị L** không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 1-Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Yên Phú, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Lộc Thị Kim Thơm - Trần Văn
Ngọc**

Vũ Mạnh Hồng